# BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

| BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 05/2010/TT-BVHTTDL | *Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2010* |

## THÔNG TƯ
## Quy định việc xét duyệt đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 21/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc xét duyệt đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ như sau:

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định việc quản lý và tổ chức xét duyệt để đưa vào thực hiện trong năm kế hoạch các đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây viết tắt là đề tài)

có nội dung chủ yếu nghiên cứu về một chủ đề khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch, bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đề tài khoa học xã hội và nhân văn. Đề tài có thể độc lập hoặc thuộc dự án, chương trình;

2. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp khoa học của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây viết tắt là dự án) là hoạt động sản xuất thử ở quy mô nhỏ những công nghệ mới, sản phẩm mới đã được tạo ra từ việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm hoàn thiện công nghệ, sản phẩm đó trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

3. Xét duyệt đề tài, dự án là quá trình xem xét đề tài, dự án để đưa vào thực hiện trong kế hoạch năm (05) năm và hàng năm gồm các bước: xác định nhiệm vụ; tuyển chọn hoặc xét chọn; thẩm định; phê duyệt.

4. Xác định nhiệm vụ là việc xem xét lựa chọn các ý tưởng nghiên cứu khoa học và công nghệ được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án trên cơ sở các định hướng nghiên cứu và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để chủ trì thực hiện các đề tài, dự án thông qua việc xem xét, đánh giá các hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí quy định trong Thông tư này.

6. Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án theo đặt hàng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ do tổ chức, cá nhân có đủ năng lực và điều kiện được giao trực tiếp chuẩn bị, trên cơ sở những yêu cầu, tiêu chí quy định trong Thông tư này.

7. Thẩm định là việc xem xét, kiểm tra nhằm đánh giá nội dung và kinh phí của đề tài, dự án trước khi quyết định đưa vào thực hiện.

**Điều 3. Trình tự xét duyệt**

Trình tự xét duyệt đề tài, dự án được thực hiện như sau:

1. Xác định đề tài, dự án.

a) Đề xuất các đề tài, dự án;

b) Thành lập các Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án (sau đây viết tắt là Hội đồng xác định đề tài, dự án);

c) Quyết định phê duyệt Danh mục đề tài, dự án để tuyển chọn, xét chọn.

2. Tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án.

a) Thông báo tuyển chọn, xét chọn;

b) Mở Hồ sơ tuyển chọn;

c) Thành lập các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn (sau đây viết tắt là Hội đồng tuyển chọn, xét chọn);

d) Quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn;

đ) Thông báo kết quả tuyển chọn, xét chọn cho tổ chức, cá nhân trúng tuyển chọn, xét chọn.

3. Thẩm định đề tài, dự án trúng tuyển chọn, xét chọn (sau đây viết tắt là thẩm định).

a) Thành lập các Tổ thẩm định;

b) Tổ chức họp các tổ thẩm định.

4. Phê duyệt đề tài, dự án để đưa vào thực hiện.

**Điều 4. Trách nhiệm của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường**

1. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập các Hội đồng tư vấn xác định đề tài, dự án; các Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài, dự án; các Tổ Thẩm định;

2. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt các đề tài, dự án đưa vào thực hiện;

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình xét duyệt đề tài, dự án.

## II. TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

**Điều 5. Căn cứ đề xuất đề tài, dự án**

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển của các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch năm (05) năm và hàng năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Căn cứ định hướng phát triển khoa học và công nghệ của Chính phủ và của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Căn cứ mục tiêu, nội dung nghiên cứu của các chương trình khoa học và công nghệ của Bộ trong năm kế hoạch và của từng thời kỳ.

4. Theo đặt hàng nghiên cứu của Lãnh đạo Bộ, của các đơn vị quản lý thuộc Bộ nhằm phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và giải quyết các yêu cầu cấp thiết tại đơn vị.

5. Theo yêu cầu đột xuất của Lãnh đạo Bộ đối với công tác khoa học và công nghệ để giải quyết những vấn đề cấp bách của Bộ.

6. Căn cứ khả năng sử dụng sản phẩm đề tài, dự án trong thực tiễn.

**Điều 6. Đề xuất đề tài, dự án**

1. Hàng năm, trên cơ sở các căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo, hướng dẫn việc đề xuất các đề tài, dự án.

2. Đối tượng đề xuất:

a) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ không thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất thông qua cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Thông tin đề xuất đề tài, dự án được ghi theo mẫu Phiếu đề xuất đề tài, dự án *(Phụ lục số 1a, Phụ lục số 1b)*.

4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thu nhận các đề xuất và phân loại đề tài, dự án theo nhóm lĩnh vực để đưa vào Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 7. Tiêu chí xác định đề tài, dự án**

1. Tiêu chí xác định đề tài.

a) Được đề xuất trên cơ sở các căn cứ tại Điều 5 Thông tư này;

b) Ý nghĩa khoa học: Có tính mới, sáng tạo về khoa học và công nghệ;

c) Ý nghĩa thực tiễn: Trực tiếp hoặc góp phần giải quyết vấn đề cấp bách về lý luận và thực tiễn; đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành văn hóa, thể thao, du lịch và các lĩnh vực khác thuộc Bộ;

d) Tính khả thi: Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ hiện có của ngành, của đất nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng và thời gian thực hiện; có khả năng huy động nguồn lực trong nước và nước ngoài để đáp ứng nhu cầu thực hiện đề tài; có địa chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu.

2. Tiêu chí xác định dự án:

a) Được đề xuất trên cơ sở các căn cứ tại Điều 5 Thông tư này;

b) Các tiêu chí tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này cho các đề tài thuộc dự án;

c) Yêu cầu về công nghệ: Thể hiện sự ổn định và tin cậy của công nghệ, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, tính hiệu quả kinh tế; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; đảm bảo chỉ tiêu về an toàn sức khỏe và môi trường; thể hiện được tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang có trong ngành văn hóa, thể thao, du lịch và ở Việt Nam; có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm văn hóa, thể thao và du lịch khi được ứng dụng rộng rãi;

d) Khả năng về thị trường: Các ngành kinh tế - xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhu cầu đối với sản phẩm dự án; sản phẩm của dự án có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường, thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài; sản phẩm của dự án có khả năng xuất khẩu;

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội: Sản phẩm của dự án có tác động tích cực đến sự phát triển văn hóa, thể thao và du lịch, tạo ngành nghề mới, tạo thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng;

e) Tính khả thi: Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ của các tổ chức chủ trì dự án và trong nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng, thời gian thực hiện; có khả năng huy động nguồn lực từ các nguồn khác nhau đáp ứng nhu cầu thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm; có khả năng liên kết với cơ sở sản xuất, tổ chức khoa học và công nghệ khác để thực hiện dự án; có thị trường tiêu thụ sản phẩm (có phương án liên kết tiêu thụ, chuyển giao, hoặc thương mại hóa các sản phẩm của dự án).

**Điều 8. Hội đồng xác định đề tài, dự án**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập các Hội đồng xác định đề tài, dự án trên cơ sở đề xuất của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường theo từng nhóm lĩnh vực để tư vấn trong lĩnh vực xác định đề tài, dự án.

2. Thành phần Hội đồng xác định đề tài, dự án.

a) Hội đồng xác định đề tài, dự án có từ bảy (07) đến mười một (11) người gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác, bao gồm:

- Một phần hai (1/2) là đại diện các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

- Một phần hai (1/2) là các nhà nghiên cứu khoa học và công nghệ có liên quan;

b) Thành viên của Hội đồng xác định đề tài dự án phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn.

c) Thư ký Hội đồng xác định đề tài, dự án là chuyên viên của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

3. Trách nhiệm của các Hội đồng xác định đề tài dự án.

a) Phân tích, đánh giá, kiến nghị sơ bộ về mục tiêu, nội dung và kết quả dự kiến của đề tài, dự án;

b) Tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định, lựa chọn các đề xuất cần thực hiện nhằm phục vụ có hiệu quả hoạt động lãnh đạo, quản lý và phát triển của Bộ;

c) Các thành viên của Hội đồng thực hiện các quy định có liên quan tới hoạt động tư vấn xác định nhiệm vụ hiện hành khác của Nhà nước.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xác định đề tài, dự án.

a) Hội đồng xác định đề tài, dự án làm việc theo nguyên tắc dân chủ. Các thành viên thảo luận công khai về nhiệm vụ được giao tư vấn đồng thời chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn của mình và không tiết lộ về các thông tin làm việc của Hội đồng;

b) Phiên họp của Hội đồng xác định đề tài, dự án phải có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng (ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo);

c) Chủ tịch Hội đồng xác định đề tài, dự án chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng.

5. Nội dung phiên họp của Hội đồng xác định đề tài, dự án.

a) Xem xét, phân tích từng đề tài, dự án theo các tiêu chí quy định tại Điều 7 Thông tư này;

b) Thảo luận về những đề tài, dự án có đủ tiêu chuẩn cần nghiên cứu giải quyết ở cấp Bộ để đề nghị cho phép thực hiện và đề nghị không thực hiện đối với những đề tài, dự án không đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 7 Thông tư này;

c) Thành viên Hội đồng đánh giá từng đề tài, dự án theo mẫu phiếu quy định *(Phụ lục số 2a)*. Phiếu hợp lệ là những phiếu đánh dấu vào 1 trong 2 cột ("đề nghị thực hiện" hoặc "đề nghị không thực hiện") tương ứng ghi trên phiếu;

d) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu bao gồm ba (03) thành viên trong đó có một (01) Trưởng ban. Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản *(Phụ lục số 2b)*;

đ) Những đề tài, dự án được Hội đồng "đề nghị thực hiện" phải được ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng có mặt đồng ý kiến nghị và số thành viên này bảo đảm không ít hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng;

e) Hội đồng trao đổi, thảo luận, bổ sung hoặc sửa đổi những chi tiết liên quan đến tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến cho từng đề tài, dự án, đã được Hội đồng "đề nghị thực hiện";

g) Trong trường hợp chưa đưa ra được kết luận cuối cùng Hội đồng sẽ báo cáo để lãnh đạo Bộ quyết định;

h) Biên bản họp Hội đồng được lập kèm theo Danh mục đề tài, dự án đã được Hội đồng thông qua *(Phụ lục số 2c)*.

**Điều 9. Phê duyệt Danh mục đề tài, dự án**

Căn cứ vào kết quả làm việc của Hội đồng xác định đề tài, dự án, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định phê duyệt Danh mục đề tài, dự án để tuyển chọn hoặc xét chọn.

## III. TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

**Điều 10. Thông báo tuyển chọn, xét chọn**

1. Việc tuyển chọn được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản và công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có thể đăng ký tham gia chủ trì thực hiện các đề tài, dự án;

2. Việc xét chọn được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì các đề tài, đề án.

**Điều 11. Nguyên tắc tuyển chọn, xét chọn**

1. Việc tuyển chọn, xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển chọn, xét chọn do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập và được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm trung thực, khách quan, chính xác và công bằng;

2. Việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư này;

3. Mỗi đề tài, dự án đưa ra tuyển chọn, xét chọn khi đáp ứng các điều kiện quy định sẽ chỉ có một hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

**Điều 12. Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn**

1. Đối với tổ chức:

a) Tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án là các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực của đề tài, dự án đăng ký thực hiện;

b) Mỗi tổ chức chỉ được phép đăng ký là đơn vị chủ trì hoặc thành phần tham gia chính một (01) hồ sơ tham gia tuyển chọn, xét chọn cho một (01) đề tài, dự án.

2. Đối với cá nhân:

Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án thông qua các tổ chức có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phải có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực khoa học của đề tài, dự án trong ba (03) năm gần đây tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

b) Là người chủ trì tổ chức xây dựng Thuyết minh đề tài, dự án;

c) Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

d) Không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Cá nhân không được tham gia tuyển chọn, xét chọn chủ trì đề tài, dự án trong những trường hợp sau:

a) Nếu tính đến thời điểm nộp hồ sơ mà đang làm chủ nhiệm từ một (01) đề tài, dự án cấp Bộ trở lên (kể cả trường hợp đã có biên bản nghiệm thu cấp Bộ đánh giá ở mức "không đạt" và không được Bộ cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả) hoặc đề tài, dự án đó đã bị cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định đình chỉ trong quá trình thực hiện do sai phạm;

b) Cá nhân đã làm chủ nhiệm đề tài, dự án cấp Bộ trở lên nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở chậm hơn so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Không được tham gia tuyển chọn, xét chọn một (01) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở thực tế nếu nộp chậm từ sáu (06) tháng đến dưới hai mươi tư (24) tháng;

- Không được tham gia tuyển chọn, xét chọn hai (02) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở thực tế nếu nộp chậm từ hai mươi tư (24) tháng trở lên.

**Điều 13. Hồ sơ tham dự tuyển chọn, xét chọn**

1. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án *(Phụ lục số 3)*;

b) Thuyết minh đề tài, dự án:

- Đối với đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn *(Phụ lục số 4a)*;

- Đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ *(Phụ lục số 4b)*;

- Đối với dự án *(Phụ lục số 4c)*;

c) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án *(Phụ lục số 5)*;

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án *(Phụ lục số 6)*.

2. Số lượng bản, hình thức và niêm phong hồ sơ:

a) Bộ hồ sơ gồm: 01 bản gốc và 11 bản sao.

b) Khi gửi hồ sơ tuyển chọn, xét chọn cần gửi dưới các hình thức sau:

- Hồ sơ bằng văn bản;

- Hồ sơ dưới dạng điện tử file dữ liệu (USB hoặc CD ROOM).

c) Bộ hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài:

- Tên đề tài, dự án;

- Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án;

- Họ và tên của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm và danh sách những người tham gia thực hiện đề tài, dự án;

- Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

3. Thời hạn nhận hồ sơ tuyển chọn, xét chọn.

a) Hồ sơ phải nộp đúng hạn như trong thông báo tuyển chọn, xét chọn, ngày nhận hồ sơ được tính là ngày ghi ở dấu bưu điện Hà Nội (trường hợp gửi qua bưu điện); dấu công văn đến của Văn phòng Bộ hoặc văn thư của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (trong trường hợp gửi trực tiếp);

b) Tại thời điểm chưa hết thời hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút hồ sơ đã nộp thay hồ sơ mới, được phép bổ sung hoặc sửa đổi hồ sơ đã gửi để tuyển chọn, xét chọn. Mọi bổ sung và sửa đổi phải nộp trong thời hạn quy định và là bộ phận cấu thành của hồ sơ.

4. Mở hồ sơ tham gia tuyển chọn.

Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì việc mở hồ sơ tuyển chọn.

a) Thành phần tham gia việc mở hồ sơ tuyển chọn bao gồm:

- Đại diện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Lãnh đạo Bộ hoặc lãnh đạo Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường);

- Đại diện các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn được mời tham dự;

b) Việc mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn được lập thành biên bản *(Phụ lục số 7)*.

**Điều 14. Hội đồng tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập các Hội đồng tuyển chọn, xét chọn trên cơ sở đề xuất của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường theo từng nhóm lĩnh vực để tư vấn trong việc tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án.

2. Thành phần Hội đồng tuyển chọn, xét chọn

a) Hội đồng tuyển chọn, xét chọn có từ bảy (07) đến chín (09) thành viên, gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác bao gồm:

- Một phần ba (1/3) là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tổ chức áp dụng kết quả nghiên cứu đề tài, dự án;

- Hai phần ba (2/3) là các nhà nghiên cứu khoa học và công nghệ có liên quan.

b) Thành viên của Hội đồng tuyển chọn, xét chọn phải là các chuyên gia có uy tín, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học và công nghệ mà hội đồng được giao tư vấn tuyển chọn, xét chọn. Các chuyên gia đã tham gia các Hội đồng xác định đề tài, dự án được ưu tiên mời tham gia các Hội đồng tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án;

c) Thư ký Hội đồng tuyển chọn, xét chọn là chuyên viên của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

d) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án và những người tham gia thực hiện đề tài, dự án không được tham gia Hội đồng tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án đó (trong trường hợp đặc biệt những người tham gia thực hiện đề tài, dự án có thể tham gia Hội đồng tuyển chọn, xét chọn nhưng không được làm Chủ tịch, Phó chủ tịch).

2. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng tuyển chọn, xét chọn.

a) Hội đồng tuyển chọn, xét chọn làm việc theo nguyên tắc dân chủ;

Phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch;

c) Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng.

3. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng tuyển chọn.

a) Chịu trách nhiệm cá nhân và không đại diện cho bất cứ tổ chức nào khi xem xét, đánh giá Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn;

b) Tuân thủ đúng các quy định của Thông tư này, đảm bảo đánh giá trung thực, khách quan, chính xác và công bằng;

c) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng;

d) Giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình tuyển chọn, xét chọn.

4. Nội dung phiên họp của Hội đồng tuyển chọn, xét chọn.

a) Các thành viên của Hội đồng chấm điểm độc lập theo các tiêu chí đánh giá và thang điểm tại các phiếu đánh giá sau: Phiếu đánh giá đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn *(Phụ lục số 8a)*; phiếu đánh giá đối với đề tài khoa học và phát triển công nghệ *(Phụ lục số 8b)*; phiếu đánh giá đối với dự án *(Phụ lục số 8c);*

b) Hội đồng cử ba (03) thành viên tham gia tổ kiểm phiếu (thư ký có thể tham gia tổ kiểm phiếu) kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản *(Phụ lục số 9a),* bảng tổng hợp điểm *(Phụ lục số 9b)* kèm theo biên bản họp;

c) Đối với một Hồ sơ, nếu có thành viên Hội đồng cho tổng số điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của số thành viên Hội đồng có mặt thì điểm của thành viên ấy không được chấp nhận. Kết quả đánh giá Hồ sơ này chỉ dựa trên kết quả cho điểm của các thành viên còn lại trong Hội đồng;

d) Kết quả họp Hội đồng được lập thành Biên bản *(Phụ lục số 10)*.

4. Xác định Hồ sơ đề nghị trúng tuyển:

a) Hồ sơ trúng tuyển chọn có tổng số điểm trung bình đạt tối thiểu bảy mươi trên một trăm (70/100) điểm;

b) Trường hợp có từ hai (02) hồ sơ trở lên của một (01) đề tài đạt số điểm trung bình bảy mươi trên một trăm (70/100) điểm thì Hội đồng xếp thứ tự ưu tiên các Hồ sơ đăng ký theo nguyên tắc sau đây:

- Tổng số điểm trung bình theo thứ tự từ cao xuống thấp;

- Trường hợp các Hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì Hồ sơ nào có điểm đánh giá của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) cao hơn sẽ được ưu tiên xếp hạng;

- Trường hợp các Hồ sơ có cùng tổng số điểm trung bình, điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với Hồ sơ này cũng bằng nhau, Hội đồng kiến nghị lãnh đạo Bộ xem xét quyết định.

**Điều 15. Phê duyệt danh mục Hồ sơ trúng tuyển chọn, xét chọn**

1. Căn cứ vào kết quả làm việc của các Hội đồng tuyển chọn, xét chọn và đề nghị của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra Quyết định phê duyệt Danh mục Hồ sơ trúng tuyển chọn, xét chọn để đưa và thẩm định.

2. Cá nhân đồng thời đăng ký chủ trì từ hai (02) đề tài, dự án cấp Bộ trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được đề nghị trúng tuyển thì chỉ được lựa chọn chủ trì một (01) đề tài, dự án. Ý kiến lựa chọn phải được gửi bằng văn bản về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét quyết định.

**Điều 16. Thông báo kết quả tuyển chọn, xét chọn**

Kết quả tuyển chọn, xét chọn được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thông báo đến tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án trúng tuyển chọn, xét chọn.

**Điều 17. Tổ chức thẩm định nội dung, dự toán kinh phí đề tài, dự án trúng tuyển chọn, xét chọn**

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập các Tổ thẩm định trên cơ sở đề xuất của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường theo danh mục đề tài, dự án trúng tuyển chọn, xét chọn.

2. Thành phần các tổ thẩm định

a) Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Đại diện Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng đã tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án, Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Kế hoạch, Tài chính.

b) Chủ nhiệm, đại diện lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện đề tài, dự án được mời tham dự họp thẩm định.

3. Trách nhiệm của các Tổ thẩm định:

a) Xem xét, kiểm tra việc chỉnh sửa về nội dung trong thuyết minh đề tài, dự án theo ý kiến của Hội đồng tuyển chọn;

b) Xem xét, kiểm tra đánh giá kinh phí thực hiện đề tài, dự án được vận dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

4. Kết quả làm việc của các Tổ thẩm định được lập thành biên bản *(Phụ lục số 11)* là căn cứ để phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Điều 18. Phê duyệt đề tài, dự án đưa vào thực hiện**

Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định và đề xuất của Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét ra quyết định phê duyệt đề tài, dự án đưa vào thực hiện.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2010.

2. Ban hành theo Thông tư các phụ lục sau:

- Phụ lục số 1a: Mẫu Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ dưới hình thức đề tài;

- Phụ lục số 1b: Mẫu Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ dưới hình thức dự án;

- Phụ lục số 2a: Mẫu Phiếu đánh giá đề nghị thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 2b: Mẫu Biên bản kiểm phiếu đánh giá đề nghị thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 2c: Mẫu Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định danh mục đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 3: Mẫu Đơn đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 4a: Mẫu Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp Bộ;

- Phụ lục số 4b: Mẫu Thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ;

- Phụ lục số 4c: Mẫu Thuyết minh dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 5: Mẫu Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 6: Mẫu Lý lịch khoa học của cá nhân thực hiện chính đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 7: Mẫu Biên bản mở Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 8a: Mẫu phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài khoa học xã hội nhân văn cấp Bộ;

- Phụ lục số 8b: Mẫu Phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài khoa học và phát triển công nghệ cấp Bộ;

- Phụ lục số 8c: Mẫu Phiếu đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 9a: Mẫu Biên bản kiểm phiếu của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 9b: Mẫu Bảng tổng hợp điểm của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 10: Mẫu Biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án cấp Bộ;

- Phụ lục số 11: Mẫu Biên bản họp Tổ thẩm định đề tài, dự án cấp Bộ.

3. Bãi bỏ các văn bản và các quy định sau đây:

a) Quyết định số 89/2006/QĐ-BVHTT ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa - Thông tin;

b) Các Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quyết định số 05/2007/QĐ-BVHTT ngày 12 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa - Thông tin.

4. Các quy định do Bộ Văn hóa - Thông tin, Ủy ban Thể dục, Thể thao, Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành trước đây không thuộc các văn bản và quy định tại khoản 2 Điều này có nội dung trái với các quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

**Điều 20. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, thực hiện đầy đủ, chính xác, công khai các quy định của Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Hoàng Tuấn Anh**

**Phụ lục số 1a**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT**
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 20...**
**(DƯỚI HÌNH THỨC ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ)**

**1. Tên nhiệm vụ:**.....

**2. Giải thích về tính cấp thiết** *(tại sao phải nghiên cứu giải quyết ở cấp Bộ: quan trọng, cấp bách, tác động to lớn đến phát triển khoa học và công nghệ của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ?...)*

.....

.....

**3. Mục tiêu của nhiệm vụ:**

.....

.....

**4. Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ:**

.....

.....

**5. Thời gian thực hiện:**.....

**6. Dự kiến sản phẩm của nhiệm vụ:**

**7. Dự kiến hiệu quả** *(tác động của kết quả nghiên cứu đối với việc xây dựng đường lối, pháp luật, chính sách; đối với phát triển kinh tế - xã hội;...)**

.....

.....

**8. Khả năng và địa chỉ áp dụng**

.....

.....

**9. Nhu cầu kinh phí để thực hiện:**.....

**Tổ chức/cá nhân đề xuất đề tài**
*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với trường hợp đề xuất của tổ chức)*

** Đối với đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải kê khai mục này.*

**Phụ lục số 1b**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT**
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 20...**
**(DƯỚI HÌNH THỨC DỰ ÁN)**

**1. Tên dự án:**.....

**2. Xuất xứ của dự án:**

Nêu rõ một trong các nguồn sau:

- Kết quả đã được đánh giá nghiệm thu của Đề tài khoa học và công nghệ cấp...

- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ...

- Kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài *(tên nước; tên cơ quan, tổ chức có kết quả khoa học và công nghệ..)*

**3. Giải trình về tính cấp thiết** *(sự phù hợp với hướng công nghệ ưu tiên thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch; tạo công nghệ và sản phẩm chuyển giao được cho sản xuất; ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án;...).*

**4. Mục tiêu của dự án:**.....

**5. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:**.....

**6. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm và địa chỉ áp dụng:**.....

**7. Nhu cầu kinh phí để thực hiện:**

Tổng số:... triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí của tổ chức chủ trì thực hiện dự án: ... triệu đồng

- Hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học: ... triệu đồng

**8. Khả năng thu hồi kinh phí (hoàn trả ngân sách sự nghiệp khoa học):**

... triệu đồng

*(bằng... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học)*

**Tổ chức/cá nhân đề xuất đề tài**

*(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với trường hợp đề xuất của tổ chức)*

**Phụ lục số 2a**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**
**ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ NĂM.....**
**(Thuộc lĩnh vực.....)**

Họ và tên thành viên Hội đồng đánh giá:.....

| TT | Tên đề tài, dự án | Đề nghị thực hiện | Đề nghị không thực hiện | Kiến nghị khác của thành viên Hội đồng về đề tài, dự án, |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **I** | **Đề tài** | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| **II** | **Dự án** | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**
*(Họ, tên và chữ ký)*

**Phụ lục số 2b**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**
**ĐÁNH GIÁ ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ NĂM.....**
**(Thuộc lĩnh vực.....)**

1. Họ và tên các thành viên Ban kiểm phiếu:
- Trưởng Ban:.....
- Các Ủy viên: 1.....
2.....
2. Số phiếu phát ra:.....
3. Số phiếu thu về:.....
4. Số phiếu hợp lệ:.....
5. Kết quả bỏ phiếu:

| TT | Tên Đề tài, Dự án | Tổng hợp số phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Đề nghị thực hiện | Đề nghị không thực hiện | Kết luận |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | **Đề tài** | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |
| II | **Dự án** | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

| | |
|---|---|
| **Trưởng Ban kiểm phiếu**<br>*(Họ, tên và chữ ký)* | **Các thành viên Ban kiểm phiếu**<br>*(Họ, tên và chữ ký)* |

**Phụ lục số 2c**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20...* |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**
**XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ NĂM...**
**(Thuộc lĩnh vực....)**

**A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên đề tài (dự án): .....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng:

Quyết định số...../QĐ-BVHTTDL ngày... tháng... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Địa điểm:.....

Thời gian:.....

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt:..... người, gồm các thành viên:

1. .....

2. .....

3. .....

5. Đại biểu tham dự:

1. .....

2. .....

3. .....

**B. Nội dung và kết quả làm việc của Hội đồng**

1. Lựa chọn đề tài (dự án) đề nghị thực hiện

a. Hội đồng thảo luận

Hội đồng đã xem xét, phân tích Danh mục sơ bộ đề tài, dự án do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp theo những tiêu chí xác định đề tài, dự án (quy định tại Điều 7 của Thông tư số 05/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 7 năm 2010 quy định việc xét duyệt đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Hội đồng đã thảo luận về những đề tài, dự án đủ tiêu chuẩn cần nghiên cứu giải quyết ở cấp Bộ để đề nghị cho thực hiện và những đề tài, dự án không đủ tiêu chuẩn, không đề nghị thực hiện.

b. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng:

- Trưởng ban:

- Ủy viên: 1. .....

2. .....

Hội đồng đã bỏ phiếu về những đề tài, dự án "đề nghị thực hiện" và về những đề tài, dự án "đề nghị không thực hiện". Kết quả kiểm phiếu được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

c. Kết quả lựa chọn các đề tài, dự án đề nghị thực hiện bao gồm:.../... đề tài, dự án.

2. Thống nhất tên, tóm tắt sơ bộ mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến của từng nhiệm vụ

Căn cứ kết quả kiểm phiếu Hội đồng đã thảo luận về việc sửa đổi, bổ sung hoặc chính xác hóa tên, đối tượng nghiên cứu, mục tiêu, nội dung cơ bản cần đạt và sản phẩm dự kiến cho từng đề tài, dự án đã được "đề nghị thực hiện" (đối với dự án, Hội đồng còn thảo luận kỹ về các sản phẩm của dự án với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt).

3. Kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng

Dưới đây là Danh mục đề tài, dự án cấp Bộ năm 20... đã được Hội đồng nhất trí đưa vào thực hiện:

| TT | Tên đề tài, dự án | Những điều chú ý khi xây dựng thuyết minh đề tài, dự án | Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt(*) |
|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| I | Đề tài độc lập | | |
| .... | | | |
| II | Dự án | | |
| ... | | | |

Hội đồng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và phê duyệt.

**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**
*(Họ tên và chữ ký)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
*(Họ tên và chữ ký)*

*(*) Đối với đề tài: có thể nêu chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật (có thể không nêu)*
*Đối với dự án: phải nêu được những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt.*

**Phụ lục số 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ***
**CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ**

Kính gửi: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ thông báo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án cấp Bộ năm....., chúng tôi:

a).....

.....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn làm cơ quan chủ trì đề tài, dự án)

b).....

.....

*(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm đề tài, dự án)*

xin đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án:.....

.....

Thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ:.....

Thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (nếu có):.....

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

*....., ngày... tháng... năm 20...*

| **TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN** | **CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN** |
|---|---|
| *(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)* | *(Họ, tên và chữ ký)* |

** Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4*

**Phụ lục số 4a**

# THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP BỘ [1]

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1** | **Tên đề tài** | **2** | **Mã số** |
| **3** | **Thời gian thực hiện:**..... **tháng**<br>(Từ tháng...../20.... đến tháng...../20....) | **4** | **Cấp quản lý**<br>Nhà nước ☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐ |

| | |
|---|---|
| **5** | **Kinh phí**..... **triệu đồng, trong đó:** |
| **Nguồn** | **Tổng số** (triệu đồng) |
| - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học | |
| - Từ nguồn tự có của tổ chức chủ trì | |
| - Từ nguồn khác | |

**6** ☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có)

☐ **Đề tài độc lập**

**7** **Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:.....

Học hàm, học vị.....

Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....

Điện thoại cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....

Fax:..... E-mail:.....

Đang công tác tại:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Địa chỉ nhà riêng:.....

[1] *Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.*

| 8 | **Tổ chức chủ trì đề tài** |
|---|---|

Tên tổ chức chủ trì đề tài:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:..... Website:.....
Địa chỉ:.....
Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

| 9 | **Mục tiêu của đề tài** *(bám sát và cụ thể hóa mục tiêu do Bộ yêu cầu)* |
|---|---|
| ..... | |
| **10** | **Tình trạng đề tài**<br>☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả<br>☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của người khác |
| **11** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:** |

***11.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***

*(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)*

- Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài:.....
- Tình hình nghiên cứu ở trong nước:.....
- Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã nêu trong phần tổng quan này *(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu danh mục đã được trích dẫn)*

.....

***11.2. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.***

*(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hóa mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)**:***

.....

**12 Cách tiếp cận đề tài, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

*(Luận cứ rõ việc cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*

***12.1. Cách tiếp cận*** *(luận cứ rõ việc lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với đối tượng nghiên cứu để đạt mục tiêu đặt ra):*

.....

.....

***12.2. Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:***

.....

**13 Nội dung nghiên cứu (và triển khai thử nghiệm -** nếu có**):**

*(Xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung, yêu cầu trình bày chi tiết. Trong phần này cũng cần có bố cục chương mục dự kiến của đề tài).*

.....

**14 Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài::**

*(Giải trình các hoạt động cần thiết phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài: Sưu tầm tham khảo tài liệu; Hội thảo khoa học; Khảo sát điều tra...)*

.....

**15 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

.....

| 16 | **Phương án hợp tác quốc tế** (nếu có) |
|---|---|
| | *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*<br>..... |

| 17 | **Tiến độ thực hiện** *(phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 13)* | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện** *(các mốc đánh giá chủ yếu)* | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu, kết thúc)* | **Người, cơ quan thực hiện** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | Năm 20... | | | |
| .. | ..... | | | |
| | Năm 20... | | | |
| ... | ..... | | | |

## III. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

| 18 | **Dạng kết quả dự kiến của đề tài** | |
|---|---|---|
| **Dạng kết quả I** | **Dạng kết quả II** | **Dạng kết quả III** |
| ☐ Nguyên lý | ☐ Sơ đồ, bản đồ | ☐ Bài báo |
| ☐ Phương pháp | ☐ Bảng số liệu | ☐ Sách chuyên khảo |
| ☐ Tiêu chuẩn | ☐ Báo cáo phân tích | ☐ Tài liệu phục vụ giảng dạy, đào tạo sau đại học |
| ☐ Quy phạm | ☐ Tài liệu dự báo | |
| | ☐ Đề án, quy hoạch triển khai | |
| | ☐ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi | |
| | ☐ Mô hình | |
| ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)*<br>.....<br>..... | ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)*<br>.....<br>..... | ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)*<br>.....<br>..... |

| 19 | Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I, II) | | |
|---|---|---|---|
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| ... | ..... | ..... | |
| ... | ..... | ..... | |

| 20 | Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả III) | | | |
|---|---|---|---|---|
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được** | **Nơi công bố** (Tạp chí, Nhà xuất bản) | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| ... | ..... | ..... | ..... | |
| ... | ..... | ..... | ..... | |

**21 Các lợi ích mang lại và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

***21.1. Lợi ích của đề tài:.***.....

*(Tác động đến xã hội; tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học;.....)*

***21.2. Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu***:.....

## IV. CÁC TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**22 Hoạt động của các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài**

*(Ghi các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và phần nội dung công việc tham gia, kể cả các đơn vị sản xuất hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu - Những dự kiến phân công này sẽ được thể hiện bằng các hợp đồng thực hiện giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài với các đơn vị, tổ chức nói trên - Khi được giao nhiệm vụ chính thức hoặc sau khi trúng tuyển; Xác nhận phối hợp thực hiện đề tài theo Thuyết minh này)*

| | **Tên tổ chức, người đứng đầu của tổ chức** | **Địa chỉ** | **Nội dung công việc tham gia** | **Dự kiến kinh phí** |
|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | ..... | | | |
| ... | ..... | | | |

| 23 | **Cán bộ thực hiện đề tài** |
|---|---|
| *(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài; mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Thuyết minh này)* | |

| | **Họ và tên** | **Cơ quan công tác** | **Thời gian làm việc cho đề tài** (Số tháng quy đổi [2]) |
|---|---|---|---|
| 1 | Chủ nhiệm đề tài | | |
| 2 | ..... | | |
| 3 | ..... | | |
| .. | ..... | | |

## V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

*(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)*

Đơn vị: Triệu đồng

| **24** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | |
| | | | **Công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Chi khác** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | **Tổng kinh phí** | | | | | |
| | *Trong đó:* | | | | | |
| 1 | Ngân sách Sự nghiệp khoa học: | | | | | |

[2] *Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 08 giờ*

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Năm thứ nhất:<br>- Năm thứ hai:<br>- Năm thứ ba: | | | | | |
| 2 | Các nguồn vốn khác<br>- Vốn tự có của cơ sở<br>- Khác (vốn huy động,..) | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)*

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên và chữ ký)*

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
**TL. BỘ TRƯỞNG**
**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
*(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)*[3]

[3] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt*

**Phụ lục Thuyết minh đề tài**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

(theo nội dung chi)

Đề tài:.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng số | | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kinh phí | Tỷ lệ % | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm...* | | |
| 1 | Công lao động (khoa học, phổ thông) | | | | | | | | |
| 2 | Nguyên vật liệu (mua sách, tài liệu, số liệu...) | | | | | | | | |
| 3 | Thiết bị máy móc | | | | | | | | |
| 4 | Chi khác... | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | |

** Chỉ dự toán đề tài khi được phê duyệt.*

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Đề tài:.....

**Khoản 1. Thuê khoán lao động khoa học, lao động phổ thông** *(theo phương thức hợp đồng khoán gọn,....)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng Kinh phí | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm...* | | |
| 1.1 | Xây dựng Thuyết minh chi tiết được duyệt | | .... | | | | .... | .... |
| 1.2 | Thực hiện các chuyên đề độc lập | | | | | | | |
| 1.3 | Điều tra<br>- Lập mẫu phiếu điều tra<br>- Cung cấp thông tin<br>- Báo cáo xử lý phân tích số liệu điều tra | | | | | | | |
| 1.4 | Báo cáo tổng kết đề tài (bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt) | | | | | | | |
| 1.5 | Phụ cấp chủ nhiệm đề tài | | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | | |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm ..* | | |
| 2.1 | Nguyên vật liệu | | | | | .... | .... | .... | .... | .... | .... |
| 2.2 | Nhiên liệu | | | | | ..... | ..... | ..... | ..... | .... | ..... |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm ..* | | |
| 3.1 | Thuê thiết bị máy móc (ghi tên thiết bị, thời gian thuê...) | | | | | | | | | | |
| 3.2 | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

**Khoản 4. Chi khác**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng Kinh phí | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm.. * | | |
| 4.1 | Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người) | ..... | .... | .... | .... | .... | .... | .... |

| | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.1.1 | Thanh toán tiền vé tầu xe công tác (liệt kê các đợt đi công tác) | | | | | | | |
| 4.1.2 | Thanh toán tiền phụ cấp lưu trú. | | | | | | | |
| 4.1.3 | Thanh toán tiền phụ cấp công tác phí cho các đợt đi công tác | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | |
| 4.2 | Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì) | | | | | | | |
| 4.3 | Chi phí đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở | | | | | | | |
| 4.4 | Chi khác | | | | | | | |
| 4.4.1 | Hội thảo khoa học<br>-Tên Hội thảo,<br>- Số buổi, số người/ buổi, số báo cáo tham luận | | | | | | | |
| 4.4.2 | Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm... | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | |
| | **Cộng** | ..... | ..... | | | | ..... | ..... |

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)*

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên và chữ ký)*

---

** Chỉ dự toán đề tài khi được phê duyệt.*

**Phụ lục số 4b**

# THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP BỘ [1]

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1** | **Tên đề tài** | **2** | **Mã số** |
| **3** | **Thời gian thực hiện:..... tháng** | **4** | **Cấp quản lý** |
| **(Từ tháng.....**/**20....** **đến tháng.....**/**20....)** | | Nhà nước ☐ Bộ ☐ Cơ sở ☐ Tỉnh ☐ | |

| | |
|---|---|
| **5** | **Kinh phí..... triệu đồng, trong đó:** |

| **Nguồn** | **Tổng số** (triệu đồng) |
|---|---|
| - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học | |
| - Từ nguồn tự có của tổ chức chủ trì | |
| - Từ nguồn khác | |

**6**

☐ **Thuộc Chương trình** (ghi rõ tên chương trình, nếu có)

☐ **Thuộc Dự án khoa học và công nghệ** (ghi rõ tên dự án khoa học và công nghệ, nếu có)

☐ **Đề tài độc lập**

**7** **Lĩnh vực khoa học**

☐ Tự nhiên; ☐ Nông, lâm, ngư nghiệp;
☐ Kỹ thuật (Công nghiệp, Xây dựng,...); ☐ Y dược.

**8** **Chủ nhiệm đề tài**

Họ và tên:.....
Năm sinh:.....
Nam/Nữ:.....
Học hàm:..... Năm được phong học hàm:.....
Học vị:..... Năm đạt học vị:.....
Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....
Điện thoại:.....
Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....
Fax:..... E-mail:.....

[1] *Thuyết minh này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4*

Đang công tác tại:.....
.....
Địa chỉ cơ quan:.....
.....
Địa chỉ nhà riêng:.....
.....

| 9 | **Cơ quan chủ trì đề tài** |
|---|---|

Tên cơ quan chủ trì đề tài:.....
.....
Điện thoại:..... Fax:.....
E-mail:.....
Website:.....
Địa chỉ:.....
.....
Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....
Số tài khoản:.....
Ngân hàng:.....

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

| 10 | **Mục tiêu của đề tài** (bám sát và cụ thể hóa mục tiêu đặt hàng - nếu có đặt hàng) |
|---|---|

.....

| 11 | **Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài** |
|---|---|

*(Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ khoa học và công nghệ trong nước và thế giới, nêu được những gì đã giải quyết rồi, những gì còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết - luận giải, cụ thể hóa được tính cấp thiết của đề tài và những vấn đề mới về khoa học và công nghệ mà đề tài đặt ra nghiên cứu)*

***11.1. Tình trạng đề tài***

☐ Mới ☐ Kế tiếp (tiếp tục hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả)

***11.2. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***

Ngoài nước: *(Phân tích, đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài; nêu được những khác biệt về trình độ khoa học và công nghệ trong nước và thế giới)*

.....

Trong nước: *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả khoa học và công nghệ liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện; nếu có các đề tài cùng bản chất đang thực hiện hoặc đăng ký nghiên cứu ở cấp khác, nơi khác của nhóm nghiên cứu phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi cụ thể Tên đề tài, tên Chủ nhiệm đề tài và Cơ quan chủ trì đề tài đó)*

.....

***11.3. Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã nêu trong phần tổng quan*** *(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố - chỉ ghi những công trình tác giả thật tâm đắc và đã trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)*

.....

***11.4. Phân tích, đánh giá cụ thể những vấn đề khoa học và công nghệ còn tồn tại, hạn chế của sản phẩm, công nghệ nghiên cứu trong nước và các yếu tố, các nội dung cần đặt ra nghiên cứu, giải quyết ở đề tài này*** *(nêu rõ, nếu thành công thì đạt được những vấn đề gì)*

.....

| | |
|---|---|
| **12** | **Cách tiếp cận** *(Luận cứ rõ việc lựa chọn cách tiếp cận phù hợp đối tượng nghiên cứu để đạt mục tiêu đặt ra)* |

***12.1. Đối tượng nghiên cứu:*** Làm rõ lý do phải lựa chọn đối tượng nghiên cứu của đề tài *(nêu cụ thể tên đối tượng, đặc điểm...)*

***12.2. Thiết kế nghiên cứu:*** Chỉ rõ thiết kế nghiên cứu của đề tài là gì *(nghiên cứu mô tả, nghiên cứu phân tích...)*, đồng thời cần có sơ đồ nghiên cứu để minh họa.

.....

| 13 | **Nội dung nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm** |
|---|---|

*(Liệt kê và mô tả những nội dung nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm các bước cần tiến hành để đạt được mục tiêu đặt ra, trong đó, chỉ rõ những nội dung mới, nội dung quan trọng nhất để tạo ra sản phẩm, công nghệ chủ yếu; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có. Trong phần này cũng cần có bố cục chương mục dự kiến của đề tài)*

.....

| 14 | **Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** |
|---|---|

*(Luận cứ rõ việc lựa chọn các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng phù hợp với từng nội dung của đề tài; làm rõ tính mới, sáng tạo, độc đáo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)*.....

| 15 | **Phương án phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước** |
|---|---|
| 15.1 | **Hợp tác trong nước:**..... |
| 15.2 | **Hợp tác quốc tế** |

| | **Tên đối tác** *(Cá nhân và tổ chức khoa học và công nghệ)* | **Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung, lý do, hình thức hợp tác, kết quả thực hiện hỗ trợ cho đề tài này)* |
|---|---|---|
| Đã hợp tác | ..... | ..... |
| | **Tên đối tác** *(Cá nhân và tổ chức khoa học và công nghệ)* | **Nội dung hợp tác** *(Ghi rõ nội dung cần hợp tác; lý do hợp tác; hình thức thực hiện; dự kiến kết quả hợp tác đáp ứng yêu cầu của đề tài)* |
| Dự kiến hợp tác | ..... | ..... |

| 16 | **Tiến độ thực hiện** *(phù hợp với những nội dung đã nêu tại mục 13)* | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện** (các mốc đánh giá chủ yếu) | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** (bắt đầu, kết thúc) | **Người, cơ quan thực hiện** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

## II. DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA ĐỀ TÀI

| **17** | **Dạng kết quả dự kiến của đề tài** | | |
|---|---|---|---|
| **Dạng kết quả I** | **Dạng kết quả II** | **Dạng kết quả III** | **Dạng kết quả IV** |
| ☐ Mẫu (*model, maket)* | ☐ Nguyên lý ứng dụng | ☐ Sơ đồ, bản đồ | ☐ Bài báo |
| ☐ Sản phẩm *(có thể trở thành hàng hóa, để thương mại hóa)* | ☐ Phương pháp | ☐ Số liệu, Cơ sở dữ liệu | ☐ Sách chuyên khảo |
| ☐ Vật liệu | ☐ Tiêu chuẩn | ☐ Báo cáo phân tích | ☐ Kết quả tham gia đào tạo sau đại học |
| ☐ Thiết bị, máy móc | ☐ Quy phạm | ☐ Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)* | ☐ Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ |
| ☐ Dây chuyền công nghệ | ☐ Phần mềm máy tính | ☐ Đề án, quy hoạch | |
| ☐ Giống cây trồng | ☐ Bản vẽ thiết kế | ☐ Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi | |
| ☐ Giống vật nuôi | ☐ Quy trình công nghệ | | |
| ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)* | ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)* | ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)* | ☐ Khác *(nêu rõ dạng sản phẩm)* |
| **18** | **Yêu cầu chất lượng và số lượng về kết quả, sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến tạo ra** | | |
| *(Kê khai đầy đủ, phù hợp với những dạng kết quả đã nêu tại mục 17)* | | | |
| ..... | | | |
| ***18.1*** | ***Yêu cầu kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả I)*** | | |

| | Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm | Đơn vị đo | Mức chất lượng | | | Dự kiến số lượng, quy mô sản phẩm tạo ra |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cần đạt | Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | |
| | | | | Trong nước | Thế giới | |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| **...** | | | | | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| ***18.2*** | ***Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm dự kiến tạo ra (dạng kết quả II, III)*** | | |
| | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học dự kiến đạt được** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| | | | |
| ... | | | |
| ***18.3*** | ***Dự kiến công bố kết quả tạo ra (dạng kết quả IV)*** | | |
| | **Tên sản phẩm** | **Tạp chí, Nhà xuất bản** | **Ghi chú** |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| | | | |
| ... | | | |

***18.4. Đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các sản phẩm, công nghệ nghiên cứu, đặc biệt là của sản phẩm, công nghệ chủ yếu dự kiến tạo ra của đề tài so với các sản phẩm tương tự trong và ngoài nước; so sánh với các phương án nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự để đánh giá hiệu quả của đề tài*** *(trình độ khoa học và công nghệ, tính phù hợp, hiệu quả kinh tế,...)*

.....

| | |
|---|---|
| **19** | **Khả năng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu** |

***19.1. Khả năng về thị trường*** *(nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu của khách hàng cụ thể nếu có; khi nào có thể đưa sản phẩm của đề tài ra thị trường?):*

.....

***19.2. Khả năng về kinh tế*** *(khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng của sản phẩm):*

.....

***19.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp ngay trong quá trình nghiên cứu:***

.....

***19.4. Mô tả phương thức chuyển giao***

*(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu, liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn (với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu) theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất, tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra,...).....*

.....

**20 Các lợi ích mang lại và các tác động của kết quả nghiên cứu**

***20.1. Đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan***

*(Ghi những dự kiến đóng góp vào các thành tựu nổi bật trong khoa học quốc tế, đóng góp vào tiêu chuẩn quốc tế; triển vọng phát triển theo hướng nghiên cứu của đề tài; ảnh hưởng về lý luận đến phát triển ngành khoa học, đến sáng tạo trường phái khoa học mới;...)*

.....

***20.2. Đối với nơi ứng dụng kết quả nghiên cứu***

.....

***20.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường***

*(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: những luận cứ khoa học của đề tài có khả năng ảnh hưởng đến chủ trương chính sách, cơ chế quản lý cụ thể của Đảng và Nhà nước; khả năng nâng cao tiêu chuẩn văn hóa của xã hội; ảnh hưởng đến môi trường; khả năng ảnh hưởng đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cộng đồng, hoặc tạo ra sản phẩm hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao hiệu quả sản xuất, v.v...).....*

## IV. CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

**21 Hoạt động của các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài**

*(Ghi các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài, kể cả các đơn vị sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu - Những dự kiến phân công này sẽ được thể hiện bằng các hợp đồng thực hiện giữa chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài với các đơn vị, tổ chức nói trên - khi được giao nhiệm vụ chính thức hoặc sau khi trúng tuyển)*

| | Tên tổ chức, người đứng đầu của tổ chức | Địa chỉ | Nhiệm vụ được giao thực hiện trong đề tài | Dự kiến kinh phí |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| .. | ..... | | | |

| 22 | Cán bộ thực hiện đề tài |
|---|---|

*(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)*

| | Họ và tên | Cơ quan công tác | Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi)[1] |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| .. | ..... | | |

## V. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

*(Giải trình chi tiết xem phụ lục kèm theo)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| 23 | Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Nguồn kinh phí | Tổng số | Trong đó | | | | |
| | | | Công lao động (khoa học, phổ thông) | Nguyên, vật liệu, năng lượng | Thiết bị, máy móc | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | Chi khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | **Tổng kinh phí** | | | | | | |
| | *Trong đó:* | | | | | | |
| 1 | Ngân sách Sự nghiệp khoa học: | | | | | | |

[1] *Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc, mỗi ngày làm việc gồm 08 giờ*

| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Năm thứ nhất:<br>- Năm thứ hai:<br>- Năm thứ ba: | | | | | | |
| 2 | Các nguồn vốn khác<br>- Vốn tự có của cơ sở<br>- Khác (vốn huy động,...) | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm 20...

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)*

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên và chữ ký)*

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
**TL. BỘ TRƯỞNG**
**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
*(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)*[2]

[2] *Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt*

**Phụ lục Thuyết minh đề tài**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

*(theo nội dung chi)*

Đề tài:.....

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng số | | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | Kinh phí | Tỷ lệ % | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm...* | | |
| 1 | Công lao động (khoa học, phổ thông) | | | | | | | | |
| 2 | Nguyên vật liệu (mua sách, tài liệu, số liệu...) | | | | | | | | |
| 3 | Thiết bị máy móc | | | | | | | | |
| 4 | Chi khác | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | | | | | |

* *Chỉ dự toán khi được phê duyệt*

## GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Đề tài:.....

**Khoản 1. Thuê khoán lao động khoa học, lao động phổ thông** (theo phương thức hợp đồng khoán gọn,....)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng Kinh phí | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm ...* | | |
| 1.1 | Xây dựng Thuyết minh chi tiết được duyệt | | .... | | | | .... | .... |
| 1.2 | Thực hiện các chuyên đề độc lập | | | | | | | |
| 1.3 | Điều tra<br>- Lập mẫu phiếu điều tra<br>- Cung cấp thông tin<br>- Báo cáo xử lý phân tích số liệu điều tra | | | | | | | |
| 1.4 | Báo cáo tổng kết đề tài (bao gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt) | | | | | | | |
| 1.5 | Phụ cấp chủ nhiệm đề tài | | | | | | | |
| .... | ..... | | | | | | | |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm ..* | | |
| 2.1 | Nguyên vật liệu | | | | | .... | .... | .... | .... | .... | .... |
| 2.2 | Nhiên liệu | | | | | ..... | ..... | ..... | ..... | .... | .... |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc** *(nếu có)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm ...* | | |
| 3.1 | Thuê thiết bị máy móc (ghi tên thiết bị, thời gian thuê...) | | | | | | | | | | |
| 3.2 | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |

**Khoản 4. Chi khác**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng Kinh phí | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | Tổng số | Năm thứ nhất* | Năm thứ hai* | Năm .. * | | |
| 4.1 | Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người) | ..... | .... | .... | .... | .... | .... | .... |
| 4.1.1 | Thanh toán tiền vé tầu xe công tác (liệt kê các đợt đi công tác) | | | | | | | |
| 4.1.2 | Thanh toán tiền phụ cấp lưu trú. | | | | | | | |
| 4.1.3 | Thanh toán tiền phụ cấp công tác phí cho các đợt đi công tác | | | | | | | |
| ... | ..... | | | | | | | |
| 4.2 | Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì) | | | | | | | |
| 4.3 | Chi phí đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở | | | | | | | |
| 4.4 | Chi khác | | | | | | | |
| 4.4.1 | Hội thảo khoa học<br>- Tên Hội thảo,<br>- Số buổi, số người/buổi, số báo cáo tham luận | | | | | | | |
| 4.4.2 | Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm... | | | | | | | |
| ... | ... | | | | | | | |
| | **Cộng** | ..... | ..... | | | | ..... | ..... |

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)*

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**
*(Họ, tên và chữ ký)*

---

** Chỉ dự toán đề tài khi được phê duyệt*

**Phụ lục số 4c**

**THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ[1]**

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1** | **Tên dự án** | **2** | **Mã số** |
| **3** | **Thời gian thực hiện:..... tháng** | **4** | **Cấp quản lý** |
| **(Từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)** | | **Nhà nước ☐ Bộ ☐**<br>**Tỉnh ☐ Cơ sở ☐** | |
| **5** | ☐ **Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có)**<br><br>☐ **Dự án độc lập** | | |
| **6** | **Tổng vốn thực hiện dự án..... triệu đồng, trong đó:**<br>**Nguồn:..... Tổng số:..... (triệu đồng)**<br>- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học:.....<br>- Vốn tự có của tổ chức chủ trì:.....<br>- Khác (liên doanh...):..... | | |
| **7** | ***7.1. Kinh phí thu hồi..... triệu đồng***<br>***(..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Sự nghiệp khoa học)***<br>***7.2. Thời gian thu hồi kinh phí*** **(sau khi Dự án kết thúc): Đợt 1:**..... tháng,<br>**Đợt 2:**..... tháng | | |
| **8** | **Chủ nhiệm dự án**<br>Họ và tên:.....<br>Năm sinh:..... Nam/Nữ:.....<br>Học hàm:..... Học vị:.....<br>Chức danh khoa học:.....<br>Chức vụ:.....<br>Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Mobile:.....<br>Fax:..... E-mail:.....<br>Đang công tác tại:.....<br>Địa chỉ cơ quan:.....<br>Địa chỉ nhà riêng:..... | | |

[1] *Thuyết minh này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4*

| | |
|---|---|
| **9** | **Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án** |
| | Tên tổ chức chủ trì Dự án:.....<br>Điện thoại:..... Fax:.....<br>E-mail:..... Website:.....<br>Địa chỉ:.....<br>Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....<br>Số tài khoản:.....<br>Ngân hàng:..... |
| **10** | **Tổ chức tham gia chính** |
| | ***10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ***<br>Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:.....<br>Điện thoại:..... Fax:.....<br>E-mail:.....<br>Website:.....<br>Địa chỉ:.....<br>Họ và tên người đứng đầu tổ chức:.....<br>Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án:.....<br>*10.2. Tổ chức khác*<br>Tên tổ chức:.....<br>Điện thoại:..... Fax:.....<br>E-mail:.....<br>Website:.....<br>Địa chỉ:.....<br>Họ và tên người đứng đầu tổ chức:..... |
| **11** | **Cán bộ thực hiện Dự án** |

*(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án)*

| STT | Họ và tên | Cơ quan công tác | Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi) |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |
| | | | |

| 12 | **Xuất xứ** |
|---|---|

*Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:*

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền).*
- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ*(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp).*
- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ*; *tên văn bằng, chứng chỉ*, *ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*)]

| 13 | **Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án** |
|---|---|

***13.1. Luận cứ về công nghệ là xuất xứ của Dự án đã nêu tại mục 12 và công nghệ dự kiến đạt được của Dự án*** (tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

.....

***13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án*** (hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....

***13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng*** *(tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

.....

***13.4. Năng lực thực hiện Dự án*** *(mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro)*

.....

***13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án*** *(nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất, kinh doanh,...).*

.....

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

**14** **Mục tiêu**:

***14.1. Mục tiêu của Dự án sản xuất (****là phương án triển khai sau khi dự án kết thúc)* ***hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra*** *(chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất)*:

.....

***14.2. Mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm*** *(trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

.....

**15** **Nội dung:**

***15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ*** *(là xuất xứ của Dự án)* để triển khai trong Dự án:

.....

***15.2. Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ*** *(hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án);*

.....

***15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án***

.....

| 16 | **Phương án triển khai** |
|---|---|

***16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:***

*a) Phương thức tổ chức thực hiện:*

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;
- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần khẳng định rõ về năng lực thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu của Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm *(kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)*

.....

*b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:*

- Địa điểm thực hiện Dự án *(nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án)*; nhà xưởng, mặt bằng hiện có ($m^2$), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;
- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm *(làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;.....)*;
- Nguyên vật liệu *(khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....)*;
- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ khoa học và công nghệ, công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án *(số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).*
- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục);

.....

***16.2. Phương án tài chính*** *(phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án)* **trên cơ sở:**

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án *(theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...)*;
- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước *(các nội dung chi bằng nguồn vốn này).*
- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án *(theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có)*; thời gian thu hồi vốn.

.....

*Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục của Dự án )*

***16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án*** *(giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo)*;
- Dự báo nhu cầu thị trường *(dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);*
- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án *(tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);*
- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất *(so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới)*; các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;
- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

.....

| 17 | **Sản phẩm của Dự án:** |
|---|---|

Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài:
- Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật);
- Sản phẩm đăng ký sở hữu công nghiệp;
- Ấn phẩm;
- Đào tạo cán bộ;
- Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng).

.....

| 18 | **Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc** |
|---|---|

***18.1. Phương thức triển khai:***

Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây:

- Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp;
- Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án;
- Liên doanh, liên kết;
- Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh;
- Hình thức khác: (Nêu rõ).

.....

***18.2. Quy mô sản xuất*** (công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

.....

***18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.***

.....

## III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

**Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm** = Vốn cố định của Dự án sản xuất - Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

*** Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm:**

- Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại);
- Thiết bị, máy móc mua mới;
- Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại);
- Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nguồn vốn | Tổng cộng | Trong đó | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Vốn cố định | | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | Vốn lưu động | | | |
| | | | Thiết bị, máy móc mua mới | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo | | Chi phí lao động | Nguyên vật liệu, năng lượng | Thuê thiết bị, nhà xưởng | Khác |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | Ngân sách Sự nghiệp khoa học:<br>- Năm thứ nhất:<br>- Năm thứ hai:<br>- Năm thứ ba: | | | | | | | | |
| 2 | Các nguồn vốn khác<br>- Vốn tự có của cơ sở<br>- Khác (vốn huy động,...) | | | | | | | | |
| 3 | ..... | | | | | | | | |
| **Cộng:** | | | | | | | | | |

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**

*(Trong thời gian thực hiện Dự án)*

| | Nội dung | Tổng số chi phí | Trong đó theo sản phẩm | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **A** | **Chi phí trực tiếp** | | | | | |
| 1 | Nguyên vật liệu, bao bì | | | | | Phụ lục 4c -2 |
| 2 | Điện, nước, xăng dầu | | | | | Phụ lục 4c -3 |
| 3 | Chi phí lao động | | | | | Phụ lục 4c -8 |
| 4 | Sửa chữa, bảo trì thiết bị | | | | | Phụ lục 4c -4 |
| 5 | Chi phí quản lý | | | | | Phụ lục 4c -9 |
| **B** | **Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định** | | | | | |
| 6 | Khấu hao thiết bị cho dự án<br>- Khấu hao thiết bị cũ<br>- Khấu hao thiết bị mới | | | | | Phụ lục 4c -4, 4c -5 |
| 7 | Khấu hao nhà xưởng cho dự án<br>- Khấu hao nhà xưởng cũ<br>- Khấu hao nhà xưởng mới | | | | | Phụ lục 4c -7 |
| 8 | Thuê thiết bị | | | | | Phụ lục 4c -5 |
| 9 | Thuê nhà xưởng | | | | | Phụ lục 4c -7 |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ | | | | | Phụ lục 4c -6 |
| 11 | Khác (Tiếp thị, quảng cáo, trả lãi vay, các loại phí,...) | | | | | Phụ lục 4c -9 |
| - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B): | | | | | | |
| - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: | | | | | | |

**Ghi chú:**

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

- Các phụ lục của Thuyết minh Dự án từ phụ lục số 4c -1 đến phụ lục số 4c - 11

**Bảng 3. Tổng doanh thu**
(Cho thời gian thực hiện Dự án)

| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị | Số lượng | Giá bán dự kiến (1000 đ) | Thành tiền (1000 đ) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| | | | | **Cộng:** | |

**Bảng 4. Tổng doanh thu**
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị | Số lượng | Đơn giá (1000 đ) | Thành tiền (1000 đ) |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| | | | | **Cộng:** | |

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án**
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

| TT | Nội dung | Thành tiền (1000 đ) |
|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 |
| 1 | Tổng vốn đầu tư cho Dự án | |
| 2 | Tổng chi phí, trong một năm | |
| 3 | Tổng doanh thu, trong một năm | |

| | | |
|---|---|---|
| 4 | Lãi gộp (3) - (2) | |
| 5 | Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí) | |
| 6 | Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm | |
| 7 | Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính) | |
| 8 | Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính) | |
| 9 | Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính) | |

**Chú thích:**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

**Thời gian thu hồi vốn T** = $\dfrac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}}$ = ——— =..... năm

**Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư** = $\dfrac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}}$ x 100 = —— x 100 =..... %

**Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu** = $\dfrac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}}$ x 100 = —— x 100 =.... %

| 18 | **Hiệu quả kinh tế - xã hội** |
|---|---|
| *(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)* ..... | |

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

| | |
|---|---|
| *Ngày..... tháng..... năm 20....* | *Ngày..... tháng..... năm 20....* |
| **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN** | **CHỦ NHIỆM DỰ ÁN** |
| *(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)* | *(Họ tên và chữ ký)* |

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
**TL. BỘ TRƯỞNG**
**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC,**
**CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
*(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)*[1]

[1] *Chỉ ký tên đóng dấu khi dự án được phê duyệt*

**Phụ lục 4c - 1 (của Thuyết minh Dự án)**

## DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

*(Theo nội dung chi)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung các khoản chi | Tổng số | | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Kinh phí | Tỷ lệ (%) | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới | | | | | | | | |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo | | | | | | | | |
| 3 | Kinh phí hỗ trợ công nghệ | | | | | | | | |
| 4 | Chi phí lao động | | | | | | | | |
| 5 | Nguyên vật liệu năng lượng | | | | | | | | |
| 6 | Thuê thiết bị, nhà xưởng | | | | | | | | |
| 7 | Chi khác | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng:** | | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 2 (của Thuyết minh Dự án)**

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU**

**(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | | Nguyên, vật liệu chủ yếu | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Nguyên, vật liệu phụ | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | **Cộng:** | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 3 (của Thuyết minh Dự án)**

**NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU**

**(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | | ***Về điện:*** | ***kW/h*** | | | | | | | | | |
| | | - Điện sản xuất:<br>Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | ***Về nước:*** | ***$m^3$*** | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | ***Về xăng dầu:*** | ***Tấn*** | | | | | | | | | |
| | | - Cho thiết bị sản xuất..... tấn | | | | | | | | | | |
| | | - Cho phương tiện vận tải..... tấn | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 4 (của Thuyết minh Dự án)**

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

**A. Thiết bị hiện có** *(tính giá trị còn lại)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| **I** | **Thiết bị công nghệ** | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| | | | | | |
| **II** | **Thiết bị thử nghiệm, đo lường** | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| 4 | | | | | |
| | | | | | |
| **Cộng:** | | | | | |

**Phụ lục 4c - 5 (của Thuyết minh Dự án)**
**YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC**

**B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | | Mua thiết bị công nghệ | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | Mua bằng sáng chế, bản quyền | | | | | | | | | | |
| 4 | | Mua phần mềm máy tính | | | | | | | | | | |
| 5 | | Vận chuyển lắp đặt | | | | | | | | | | |
| *6* | | Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động) | | | | | | | | | | |
| | | **Cộng:** | | | | | | | | | | |

** Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc*

**Phụ lục 4c - 6 (của Thuyết minh Dự án)**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Chi phí | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **A** | | **Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)** | | | | | | | |
| 1 | | - Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ | | | | | | | |
| 2 | | - Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật | | | | | | | |
| 3 | | - Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào | | | | | | | |
| 4 | | - Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm | | | | | | | |
| 5 | | ..... | | | | | | | |
| **B** | | **Chi phí đào tạo công nghệ** | | | | | | | |
| 1 | | - Cán bộ công nghệ | | | | | | | |
| 2 | | - Công nhân vận hành | | | | | | | |
| 3 | | ..... | | | | | | | |
| | | **Cộng** | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 7 (của Thuyết minh Dự án)**

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

**A. Nhà xưởng đã có** (giá trị còn lại)

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Nội dung | Đơn vị đo | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| 3 | | | | | |
| ... | | | | | |
| | **Cộng A:** | | | | |

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Kinh phí | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | | Xây dựng nhà xưởng mới | | | | | | | |
| 2 | | Chi phí sửa chữa cải tạo | | | | | | | |
| 3 | | Chi phí lắp đặt hệ thống điện | | | | | | | |
| 4 | | Chi phí lắp đặt hệ thống nước | | | | | | | |
| 5 | | Chi phí khác | | | | | | | |
| | | **Cộng B:** | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 8 (của Thuyết minh Dự án)**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

**(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Số người | Số tháng | Chi phí tr. đ/người/ tháng | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | | Chủ nhiệm Dự án | | | | | | | | | | |
| 2 | | Kỹ sư | | | | | | | | | | |
| 3 | | Nhân viên kỹ thuật | | | | | | | | | | |
| 4 | | Công nhân | | | | | | | | | | |
| | | **Cộng** | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 9 (của Thuyết minh Dự án)**

**CHI KHÁC CHO DỰ ÁN**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT | Mục chi | Nội dung | Thành tiền | Nguồn vốn | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Ngân sách Sự nghiệp khoa học | | | | Tự có | Khác |
| | | | | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| 1 | | **Công tác phí**<br>- Trong nước<br>- Ngoài nước | | | | | | | |
| 2 | | **Quản lý phí**<br>- Quản lý hành chính thực hiện Dự án<br>- Tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm | | | | | | | |
| 3 | | **Sửa chữa, bảo trì thiết bị** | | | | | | | |
| 4 | | Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:<br>- Chi phí kiểm tra nội bộ<br>- Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở (bên B)<br>- Chi phí nghiệm thu cấp Nhà nước, cấp Bộ/Tỉnh (bên A) | | | | | | | |
| 5 | | **Chi khác:**<br>- Hội thảo, hội nghị,<br>- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ<br>- Báo cáo tổng kết,<br>- In ấn,<br>- Phụ cấp chủ nhiệm dự án,... | | | | | | | |
| | | **Cộng** | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 10 (của Thuyết minh Dự án)**

**KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

| TT | Nội dung công việc | Tháng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | ... |
| 1 | 2 | 3 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Hoàn thiện công nghệ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chế tạo, mua thiết bị | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Lắp đặt thiết bị | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Đào tạo công nhân | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Sản xuất thử nghiệm (các đợt) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Thử nghiệm mẫu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Hiệu chỉnh công nghệ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | Đánh giá nghiệm thu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**Phụ lục 4c - 11 (của Thuyết minh Dự án)**
**VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG**

**I. Nhu cầu thị trường**

| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị đo | Số lượng | | | Chú thích |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 20.. | 20.. | 20.. | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 8 |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

**II. Phương án sản phẩm**

| TT | Tên sản phẩm | Đơn vị đo | Số lượng | | | Tổng số | Cơ sở tiêu thụ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 20.. | 20.. | 20.. | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

**III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm**

| TT | Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu | Đơn vị đo | Mức chất lượng | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cần đạt | Tương tự mẫu | | |
| | | | | Trong nước | Thế giới | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN**
*(Họ, tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)*

**CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**
*(Họ tên và chữ ký)*

**Phụ lục số 5**

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ**

**1.** ***Tên tổ chức***

Năm thành lập:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:.....

**2.** ***Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động khoa học và công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến Đề tài, Dự án tuyển chọn:***.....

.....

***3. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia Đề tài tuyển chọn***

Tổng số cán bộ của tổ chức:.....

Trong đó (Tiến sĩ, thạc sĩ, đại học):.....

***4. Kinh nghiệm và thành tựu khoa học và công nghệ trong 5 năm gần nhất liên quan đến Đề tài tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài đã kê khai ở mục 3 trên đây*** *(nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh khác,...)*

***5. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến Đề tài, Dự án tuyển chọn*** *(đề tài khoa học xã hội và nhân văn không kê khai mục này):*

- Nhà xưởng:.....
- Trang thiết bị chủ yếu:.....

***6. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học) cho việc thực hiện Đề tài, Dự án đăng ký tuyển chọn***

• Vốn tự có:..... triệu đồng *(văn bản chứng minh kèm theo).*

• Nguồn vốn khác:..... triệu đồng *(văn bản chứng minh kèm theo).*

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

*(Họ tên, chức vụ, chữ ký và đóng dấu)*

**Phụ lục số 6**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**
**CỦA CÁ NHÂN THAM GIA ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ**

**1. Họ và tên**:.....

**2. Năm sinh:**..... **3. Nam/Nữ:**.....

**4. Học hàm:**..... Năm được phong học hàm:.....
**Học vị:**..... Năm đạt học vị:.....

**5. Chức danh nghiên cứu:**..... Chức vụ:.....

**6. Địa chỉ nhà riêng:**.....

**7. Điện thoại**: CQ:.....; NR:.....; Mobile:.....

**8. Fax:**..... E-mail:.....

**9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án**:
Tên người Lãnh đạo Cơ quan:.....
Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan:.....
Địa chỉ Cơ quan:.....

**10. Quá trình đào tạo:**

| Bậc đào tạo | Nơi đào tạo | Chuyên môn | Năm tốt nghiệp |
|---|---|---|---|
| Đại học | | | |
| Thạc sỹ | | | |
| Tiến sỹ | | | |
| Thực tập sinh khoa học | | | |

**11. Quá trình công tác**

| Thời gian *(Từ năm... đến năm...)* | Vị trí công tác | Cơ quan công tác | Địa chỉ Cơ quan |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

**12. Các công trình công bố chủ yếu**
*(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài tuyển chọn trong 5 năm gần nhất).*

| TT | Tên công trình *(bài báo, công trình...)* | Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình | Nơi công bố *(tên tạp chí đã đăng công trình)* | Năm công bố |
|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| .... | | | | |

**13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp**
*(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)*

| TT | Tên và nội dung văn bằng | Năm cấp văn bằng |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |

**14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn**
*(liên quan đến đề tài tuyển chọn - nếu có)*

| TT | Tên công trình | Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng | Thời gian *(bắt đầu - kết thúc)* |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| | | | |

**15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia**
*(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài tuyển chọn - nếu có)*

| Tên đề tài, nhiệm vụ khác đã chủ trì | Thời gian *(bắt đầu - kết thúc)* | Thuộc Chương trình *(nếu có)* | Tình trạng đề tài *(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)* |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |
| **Tên đề tài nhiệm vụ khác đã tham gia** | **Thời gian** *(bắt đầu - kết thúc)* | **Thuộc Chương trình** *(nếu có)* | **Tình trạng đề tài** *(đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)* |
| | | | |
| | | | |

| **16. Giải thưởng**<br>*(về khoa học và công nghệ, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài tuyển chọn - nếu có)* | | |
|---|---|---|
| **TT** | **Hình thức và nội dung giải thưởng** | **Năm tặng thưởng** |
| 1 | | |
| 2 | | |
| **17. Thành tựu hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh khác**<br>*(liên quan đến đề tài tuyển chọn - nếu có)* | | |

*....., ngày..... tháng..... năm 20.....*

**TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**
(*Xác nhận và đóng dấu*)
Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà.... chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án

**CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**
(*Họ, tên và chữ ký*)

** Mẫu này cũng được dùng cho các cá nhân tham gia thực hiện đề tài.*

**Phụ lục số 7**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20.....* |

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ**
**ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**
**CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ**

**1. Địa điểm và thời gian mở hồ sơ:**

- Địa điểm:
- Thời gian: ngày..... tháng..... năm 20.....
  ngày..... tháng..... năm 20.....

**2. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ:**

| TT | Tên cơ quan, tổ chức | Họ và tên đại biểu |
|---|---|---|
| 1 | Đại điện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 2 | Đại điện Hội đồng tư vấn tuyển chọn đề tài, dự án | |
| 3 | Đại diện tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (nếu có) | |

| TT | Tên cơ quan, tổ chức | Họ và tên đại biểu |
|---|---|---|
| 4 | Đại diện các cơ quan liên quan khác | |
| | | |
| | | |

**3. Tình trạng của các hồ sơ:**

- Tổng số Hồ sơ đăng ký tuyển chọn:..... Hồ sơ/..... đầu bài được đưa ra

Các Hồ sơ được mở trước sự chứng kiến của các thành phần tham dự trên.

- Tình trạng của các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn được thể hiện trong bảng sau:

| TT | Tên đề tài (Dự án) | Số lượng Hồ sơ | Tên tổ chức và cá nhân đăng ký tuyển chọn | Tình trạng Hồ sơ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nộp đúng hạn | Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký* | Tư cách pháp nhân | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

**4. Kết luận về những hồ sơ đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào đánh giá tuyển chọn:**

Như vậy trong số..... Hồ sơ đăng ký, có..... Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào xem xét đánh giá.

Danh mục Hồ sơ hợp lệ được đánh giá tuyển chọn để chủ trì thực hiện đề tài (dự án) có nêu tên trên đây gồm:

| TT | Tên đề tài (Dự án) | Số lượng Hồ sơ | Tên tổ chức và cá nhân đăng ký tuyển chọn | Tình trạng Hồ sơ | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Nộp đúng hạn | Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký* | Tư cách pháp nhân | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Các kiến nghị khác về các Hồ sơ đăng ký:

.....

.....

.....

.....

Buổi mở hồ sơ kết thúc vào hồi..... ngày.....tháng.....năm.....

Biên bản mở hồ sơ được lập và thông qua tại phiên họp.

Đại diện tham gia ký xác nhận:

| ĐẠI DIỆN BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH | ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN | ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM | THƯ KÝ |
|---|---|---|---|

**Phụ lục số 8a**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày... tháng... năm 20.....* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP BỘ**

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:.....

2. Tên đề tài:.....

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài:

- Tên tổ chức:.....

- Họ và tên cá nhân:.....

4. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí như sau:

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 11 của Thuyết minh đề tài)* | **15** | |
| 1 | Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu ở trong nước và ở ngoài nước; mức độ cập nhật những thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu. | 5 | |
| 2 | Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có; mức độ làm rõ lịch sử quá trình nghiên cứu vấn đề; mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc nêu vấn đề nghiên cứu, luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài; mức độ cụ thể hóa mục tiêu. | 10 | |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **II** | **Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu.** *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12, 13 và 14 của Thuyết minh đề tài)* | **25** | |
| 3 | Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu. | 5 | |
| 4 | Tính đầy đủ, logic, cập nhật và phù hợp của các nội dung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu tương ứng để đạt mục tiêu của đề tài. | 10 | |
| 5 | Mức độ làm rõ nội dung chủ yếu phải đạt được của đề tài. | 10 | |
| **III** | **Kết quả nghiên cứu dự kiến** *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 18, 19 và 20 của Thuyết minh đề tài)* | **15** | |
| 6 | Tính đầy đủ, hợp lý và mức độ cụ thể hóa sản phẩm đầu ra so với mục tiêu và nội dung nghiên cứu. | 5 | |
| 7 | Tính mới, tính sáng tạo (những đề xuất, những giải pháp có tính mới về bản chất; vấn đề nghiên cứu truyền thống nhưng có quan điểm giải quyết mới,...) | 10 | |
| **IV** | **Lợi ích của đề tài** *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 21 của Thuyết minh đề tài)* | **25** | |
| 8 | Tác động dự kiến (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới) đến ngành, lĩnh vực khoa học; tác động đến xã hội nói chung (đóng góp cho hoạch định chủ trương, chính sách; khả năng chuyển biến nhận thức của xã hội,...); khả năng sử dụng thực tế kết quả nghiên cứu (nêu được địa chỉ áp dụng) | 10 | |
| 9 | Dự kiến công bố các công trình ở trong nước và ở ngoài nước. | 5 | |
| 10 | Dự kiến đóng góp cho đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) thông qua việc thực hiện đề tài. | 5 | |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| 11 | Mức độ nâng cao năng lực, hoàn thiện kỹ năng nghiên cứu của các cá nhân và tập thể khoa học thông qua việc thực hiện đề tài. | 5 | |
| **V** | **Tính khả thi của đề tài**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 15,16,17, 22, 23 và 24 của Thuyết minh đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của tổ chức, Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài)* | **20** | |
| 12 | Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ khoa học và công nghệ thực hiện chính đề tài. | 10 | |
| 13 | Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành, khả năng hợp tác nghiên cứu...) | 5 | |
| 14 | Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra; tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu. | 5 | |
| | **Tổng cộng:** | **100** | |

5. Khuyến nghị của chuyên gia/thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh đề tài - cả về nội dung và kinh phí (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

**CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Phụ lục số 8b**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá: .....
2. Tên đề tài: .....
3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài:

- Tên tổ chức:.....
- Họ và tên cá nhân:.....

4. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí như sau:

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **I** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết của đề tài**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 11 của Thuyết minh đề tài)* | **10** | |
| 1 | Mức độ đầy đủ, rõ ràng của việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu và so sánh sự khác biệt trình độ của sản phẩm, công nghệ ở trong nước và ở ngoài nước. | 5 | |
| 2 | Đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các công trình nghiên cứu đã có và những hạn chế của sản phẩm, công nghệ trong nước cần giải quyết; mức độ rõ ràng, tính khoa học, cụ thể của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu đề tài; mức độ cụ thể hóa mục tiêu. | 5 | |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **II** | **Cách tiếp cận, nội dung và phương pháp nghiên cứu.** *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12, 13 và 14 của Thuyết minh đề tài)* | **20** | |
| 3 | Tính khoa học, độc đáo, phù hợp của cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu. | 5 | |
| 4 | Tính đầy đủ, phù hợp và logic của nội dung nghiên cứu so với mục tiêu (mục tiêu chung và mục tiêu từng giai đoạn). | 10 | |
| 5 | Mức độ làm rõ nội dung quan trọng, chủ yếu của đề tài. | 5 | |
| **III** | **Kết quả nghiên cứu dự kiến** *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 17 và 18 của Thuyết minh đề tài)* | **25** | |
| 6 | Trình độ khoa học và công nghệ của sản phẩm, công nghệ dự kiến tạo ra so với trình độ của sản phẩm, công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước. | 5 | |
| 7 | Tính mới, tính sáng tạo (những đề xuất, những giải pháp có tính mới về bản chất; vấn đề nghiên cứu truyền thống nhưng có quan điểm giải quyết mới,...) | 15 | |
| 8 | Tính phù hợp và khả thi của sản phẩm, kết quả tạo ra trong điều kiện Việt Nam. | 5 | |
| **IV** | **Khả năng ứng dụng và hiệu quả của đề tài** *(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 19 và 20 của Thuyết minh đề tài)* | **15** | |
| 9 | Hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động khoa học và công nghệ | 5 | |
| 10 | Tính khả thi của các phương án chuyển giao, nhân rộng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. | 5 | |
| 11 | Khả năng cạnh tranh của công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra so với nhập công nghệ hoặc mua sản phẩm tương tự. | 5 | |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **V** | **Tính khả thi của đề tài**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 14, 15, 16, 21, 22 và 23 của Thuyết minh đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của tổ chức, Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài)* | **30** | |
| 12 | Năng lực chuyên môn và thời gian thực tế có thể dành cho nghiên cứu của các cán bộ khoa học và công nghệ thực hiện chính đề tài. | 10 | |
| 13 | Năng lực tổ chức thực hiện (tính khoa học và hợp lý trong bố trí kế hoạch, các mốc phải đạt, khả năng hoàn thành...) | 5 | |
| 14 | Cơ sở vật chất; hợp tác trong nước và ngoài nước phục vụ đề tài | 5 | |
| 15 | Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với chất lượng và số lượng sản phẩm dự kiến tạo ra; tính hợp lý của việc phân bổ kinh phí cho các nội dung nghiên cứu *(đặc biệt là các khoản chi công lao động và mua sắm thiết bị nghiên cứu).* | 10 | |
| | **Tổng cộng:** | **100** | |

5. Khuyến nghị của chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh đề tài - cả về nội dung và kinh phí (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Phụ lục số 8c**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày... tháng..... năm 20.....* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ**

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá: .....
2. Tên Dự án: .....
3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Dự án:

- Tên tổ chức:.....
- Họ và tên cá nhân:.....

4. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm theo các tiêu chí như sau:

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **I** | **Giá trị công nghệ của Dự án**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ vào các mục 13.1, 14, 15.1, 15.2, và 17 của Thuyết minh dự án)* | **20** | |
| 1 | Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ | 5 | |
| 2 | Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước | 5 | |
| 3 | Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước | 5 | |
| 4 | Tính hợp lý của quy mô Dự án | 5 | |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| **II** | **Tính khả thi của phương án triển khai Dự án**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)* | **25** | |
| 5 | Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện | 5 | |
| 6 | Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp | 5 | |
| 7 | Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính | 5 | |
| 8 | Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...) | 10 | |
| **III** | **Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án**<br>*( Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ, các mục 13.2, 13.3, 16.2 và phần III của Thuyết minh dự án)* | **25** | |
| 9 | Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra | 5 | |
| 10 | Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án | 5 | |
| 11 | Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án | 5 | |
| 12 | Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...) | 10 | |
| **IV** | **Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc**<br>*(Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ vào các mục 13.5 và 16.3 của Thuyết minh dự án)* | **25** | |
| 13 | Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án | 5 | |
| 14 | Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án. | 5 | |
| 15 | Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,...) | 10 | |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa | Điểm đánh giá của chuyên gia |
|---|---|---|---|
| 16 | Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tổ chức sản xuất - kinh doanh, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ | 5 | |
| **V** | **Năng lực thực hiện Dự án** *(Các chuyên giá đánh giá tiêu chí này căn cứ vào các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án)* | **20** | |
| 17 | Năng lực, uy tín về nghiên cứu khoa học và công nghệ, kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án | 5 | |
| 18 | Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia) | 5 | |
| 19 | Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực,...) | 5 | |
| 20 | Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh dự án. | 5 | |
| | **Tổng cộng** | | |

5. Khuyến nghị của chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Dự án - cả về nội dung và kinh phí (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

**CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Phụ lục số 9a**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ - NĂM...**

Tên Đề tài (Dự án):.....

.....

**1.** Số phiếu phát ra:.....

**2.** Số phiếu thu về:.....

**3.** Số phiếu hợp lệ:.....

**4.** Kết quả bỏ phiếu:

| TT | Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài (dự án) | Điểm đánh giá | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số điểm | Điểm trung bình | |
| 1 | - Tên tổ chức:<br>- Họ và tên cá nhân: | | | |

| | |
|---|---|
| **Các thành viên ban kiểm phiếu**<br>*(Họ, tên và chữ ký)* | **Trưởng ban kiểm phiếu**<br>*(Họ, tên và chữ ký)* |

**Phụ lục số 9b**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20.....* |

**BẢN TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**
**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC**
**VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ**

1. Tên Đề tài (Dự án):.....

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài (Dự án):

- Tên tổ chức:.....

- Họ và tên cá nhân:.....

| TT | Họ tên Chuyên gia/Thành viên Hội đồng đánh giá | Tổng số điểm đánh giá |
|---|---|---|
| 1 | | |
| 2 | | |
| 3 | | |
| 4 | | |
| 5 | | |
| 6 | | |
| 7 | | |
| ... | | |

| | |
|---|---|
| **Các thành viên ban kiểm phiếu**<br>*(Họ, tên và chữ ký)* | **Trưởng ban kiểm phiếu**<br>*(Họ, tên và chữ ký)* |

**Phụ lục số 10**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày.... tháng..... năm 20.....* |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ - NĂM 20...**

**A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên đề tài (Dự án): .....

.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng:

Quyết định số...../QĐ-BVHTTDL ngày... tháng... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Địa điểm: .....

Thời gian: .....

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt:... người, gồm các thành viên:.....

1. .....

2. .....

3. .....

5. Đại biểu tham dự:

1. .....

2. .....

3. .....

**B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG:**

1. Chủ tịch Hội đồng nêu nguyên tắc và chương trình làm việc của Hội đồng theo quy định

Hội đồng cũng đã nghe các thành viên Hội đồng nhận xét, phân tích Hồ sơ đăng ký xét chọn chủ trì Đề tài theo các tiêu chí đánh giá quy định.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá các Hồ sơ tham gia dự tuyển.

3. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

3.1. Trưởng ban: .....

3.2. Ủy viên: .....

Ủy viên: .....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá Hồ sơ đăng ký chủ trì Đề tài.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá Hồ sơ đăng ký xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì Đề tài được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng:

5.1. Kết quả đánh giá của Hội đồng:

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức và cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì Đề tài nêu trên:

- Tên tổ chức chủ trì: .....
- Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: .....

.....

5.2. Hội đồng kiến nghị những điểm sau đây:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hội đồng đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và phê duyệt.

| | |
|---|---|
| **THƯ KÝ HỘI ĐỒNG** | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** |
| *(Họ, tên và chữ ký)* | *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Phụ lục số 11**

| | |
|---|---|
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **TỔ THẨM ĐỊNH TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ** | *Hà Nội, ngày.... tháng..... năm 20.....* |

**BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH**
**ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP BỘ NĂM 20....**

**A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG:**

1. Quyết định thành lập Hội đồng:

Quyết định số...../QĐ-BVHTTDL ngày.... tháng.... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Địa điểm:.....

Thời gian:.....

3. Thành phần tham dự

3.1. Thành viên Tổ thẩm định

3.2. Đại diện đơn vị chủ trì, chủ nhiệm đề tài và các thành phần đại biểu khác.

4. Số lượng thuyết minh Hồ sơ của..... đề tài thuộc lĩnh vực được thẩm định.

**B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM ĐỊNH:**

1. Tổ trưởng Tổ thẩm định nêu ý kiến nhận xét, góp ý của Hội đồng tuyển chọn, xét chọn cá nhân chủ trì đề tài, dự án lĩnh vực được thẩm định; Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Các thành viên Tổ thẩm định nêu các nhận xét về nội dung chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng tuyển chọn, xét chọn cá nhân chủ trì đề tài, dự án lĩnh vực được thẩm định và thẩm định dự toán kinh phí của đề tài, dự án.

3. Chủ nhiệm đề tài phát biểu ý kiến.

4. Nhận xét và kết luận của Tổ thẩm định:

4.1. Nhận xét về nội dung chỉnh sửa và dự toán kinh phí:

| STT | Tên đề tài, dự án | Tổ chức, cá nhân chủ trì | **Nhận xét của Tổ thẩm định** *(về nội dung chỉnh sửa theo ý kiến Hội đồng tuyển chọn, xét chọn cá nhân chủ trì đề tài, dự án và dự toán kinh phí)* |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| ... | | | |

4.2. Kết luận

Tổ Thẩm định kiến nghị những điểm sau đây:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Sau khi chỉnh sửa các hồ sơ trên đạt yêu cầu đưa vào thực hiện năm 20....., đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và phê duyệt.

| **THƯ KÝ TỔ THẨM ĐỊNH** | **TỔ TRƯỞNG TỔ THẨM ĐỊNH** |
|---|---|
| *(Họ, tên và chữ ký)* | *(Họ, tên và chữ ký)* |

**CÔNG BÁO** Nước CHXHCN Việt Nam là ấn phẩm chính thức của Nhà nước dùng để công bố tất cả văn bản quy phạm pháp luật và văn bản có giá trị pháp lý khác do các cơ quan nhà nước ban hành. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành quy định rõ: "Chỉ các văn bản công bố trên Công báo mới có giá trị như bản gốc và được sử dụng trong mọi quan hệ, giao dịch chính thức. Văn bản đăng trên các ấn phẩm khác chỉ có giá trị tham khảo".

Công báo xuất bản ở Trung ương gồm các số Công báo thường kỳ và Mục lục Công báo tháng, quý, năm. Công báo được phát hành trong phạm vi toàn quốc do Văn phòng Chính phủ chịu trách nhiệm xuất bản và in tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng.

Công báo in trên giấy có kích thước 20,5 cm x 29 cm. Trang bìa có in hình Quốc huy, Quốc hiệu của Nước CHXHCN Việt Nam và chữ **CÔNG BÁO** màu đỏ. Công báo được cấp miễn phí cho các Tủ sách pháp luật và Điểm Bưu điện - Văn hóa xã, phường, thị trấn trong toàn quốc.

Giá Công báo là 5.000đ/số (bao gồm cả phí phát hành). Việc mua Công báo thông qua cơ quan Công báo Trung ương hoặc các đại lý phát hành báo chí trong toàn quốc. Lịch đặt mua Công báo vào ngày 25 hàng tháng tại cơ quan Công báo, Văn phòng Chính phủ.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng